TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 20-8-2024.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp M T, xã M P, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố S S, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn N, sinh năm 1990 - Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố P H, phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh N tại khu phố P H, phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình, anh N thường

ghen tuông vô cớ và đánh chị. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh N vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề. Từ tháng 7-2022, chị T thuê nhà trọ sống riêng tại khu phố S S, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân, chị và anh N không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn N trình bày:

Lời trình bày của anh N và chị T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh N trình bày là do từ năm 2022 chị T thường chơi cờ bạc, không lo cho gia đình nên vợ chồng thường gây gỗ nhau. Anh không có ghen tuông và đánh chị T mà do trong lúc vợ chồng gây gỗ nhau có xô xát qua lại. Chị T dọn ra nhà trọ sống từ tháng 11-2023 đến nay và không có ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn anh Trương Văn N.

Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Trương Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 và ly thân đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Nay chị T yêu cầu ly hôn và anh N cũng đồng ý ly hôn, nhưng cả chị T và anh N đều xin vắng mặt, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa, chứng tỏ chị T và anh N đều không có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh N trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh N đều trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ly hôn anh Trương Văn N.

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trương Văn N.

2. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014835 ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T, anh N biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường G B;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc